TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02/2020**/DS-ST
Ngày: 10/02/2020
V/v: Ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Bà Phạm Thị Kim Thoa***
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Huỳnh Thanh Trông - Bí thư huyện Đoàn Phú Quốc
2/ Bà Phạm Thị Kiếm - Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Dương Đông 1
- *Thư ký phiên tòa*: **Ông Lương Quang Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc tham gia phiên toà:* **Ông Hoàng Văn Thái** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

*** <u>Nguyên đơn</u>: Chị Trần Thị V, sinh năm 1994**
*** <u>Bị đơn</u>: Anh Trần Văn T, sinh năm 1989**
Cùng địa chỉ: Tổ 10, ấp S, xã D, huyện Phú Quốc, Kiên Giang

(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày*:**

Về hôn nhân: Chị V và anh T tự tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến đến hôn nhân và chung sống với nhau từ năm 2011, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau thì thường xuyên cãi vã, phát sinh nhiều

mâu thuẫn, anh T nhậu say về thì hành hung chị V, sự việc diễn ra nhiều lần khiến tình cảm của chị với anh không còn. Nay chị V không muốn chung sống vợ chồng cùng anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị V và anh T có với nhau hai con chung là cháu Trần Minh K, sinh ngày 07/03/2016 và cháu Trần Đăng K1, sinh ngày 15/01/2012. Do không đăng ký kết hôn nên giấy khai sinh của hai con mang họ mẹ. Chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị V cam kết vợ chồng không nợ ai và không ai nợ hai vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Vàng có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Bị đơn anh Trần Văn T trình bày:*** Anh T thừa nhận lời trình bày của chị V về quan hệ hôn nhân là anh và chị không đăng ký kết hôn, thừa nhận lời trình bày của chị V về con cái và tài sản chung và công nợ chung là đúng. Nay chị V không muốn chung sống vợ chồng và nhất quyết ly hôn, nguyên nhân chị V muốn ly hôn như chị trình bày là đúng, thấy tình cảm của chị V đối với anh không còn, nếu có níu kéo cũng không đem lại hạnh phúc nên anh T thống nhất ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị V có với nhau hai con chung là cháu Trần Minh K, sinh ngày 07/03/2016 và cháu Trần Đăng K1, sinh ngày 15/01/2012. Anh T thống nhất giao hai con chung cho chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/2 con.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Con chung: Cháu Trần Đăng K có nguyện vọng sống cùng mẹ là chị Trần Thị V khi cha mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau: Thẩm phán chấp hành đúng pháp luật; vụ án được xác định đúng quan hệ pháp luật và đúng người tham gia tố tụng; thời hạn giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử đúng thời hạn; Do các đương sự trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 bộ luật Tố tụng dân sự đểgiải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị V, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị V và anh Trần Văn T do không đăng ký kết hôn theo Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị V có nguyện vọng nuôi hai con chung, cháu Trần Đăng K1 (trên 07 tuổi) cũng có nguyện vọng sống chung với chị V và được anh T đồng ý nên đề nghị HĐXX giao hai con chung cho chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng hai triệu đồng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận về tài sản chung và cam kết không nợ bất cứ cá nhân, tổ chức nào nên đề nghị Tòa án miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị V, bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt, nhưng chị V, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Chị V và anh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2011, tuy có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xung đột và bất đồng quan điểm sống. Tòa án đã tiến hành hòa giải về con chung và động viên chị V, anh T trở về đoàn tụ và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng cả hai không đồng ý. Chị V và anh T là những người có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị V không muốn chung sống với anh T, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh T.

[3] Về con chung: Tại buổi hòa giải, chị V và anh T đã thỏa thuận với nhau và thống nhất giao hai con chung là cháu Trần Minh K, sinh ngày 07/03/2016 và cháu Trần Đăng K1, sinh ngày 15/01/2012 cho chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu Trần Đăng K cũng muốn chung sống cùng chị V, do đó HĐXX giao hai con chung cho chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự thỏa thuận của anh T cấp dưỡng nuôi hai

con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 10/01/2020 (ngày hòa giải).

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích chung của con, chị V và anh T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận về tài sản chung và cam kết không nợ bất cứ cá nhân, tổ chức nào nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh T phải chịu là 150.000 đồng theo điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 về án phí.

[6] Báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng pháp luật:'

- Áp dụng Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 14, Điều 15; Điều 16; Điều 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân gia đình

- Áp dụng khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị V, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị V và anh Trần Văn T.

- *Về con chung*: Giao hai con chung là cháu Trần Minh K, sinh ngày 07/03/2016 và cháu Trần Đăng K1, sinh ngày 15/01/2012 cho chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự thỏa thuận của anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 10/01/2020.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích chung của con, anh T và chị V có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Hai bên tự thỏa thuận về tài sản chung và cam kết không nợ bất cứ cá nhân, tổ chức nào nên Tòa án không xem xét.

3. Án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, chị V đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006693 ngày 09/09/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc nay được khấu trừ thành tiền án phí, chị V đã nộp xong. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh T phải chịu là 150.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Phú Quốc;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu V.phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

PHẠM THỊ KIM THOA